

Số: **1565** /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **21** tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000
Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030
và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1764/QĐ-BGTVT ngày 03/8/2011 của Bộ GTVT phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);

Căn cứ Văn bản số 8794/BGTVT-KHĐT ngày 26/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh quy hoạch cảng Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 1583/HHVN-XDCB ngày 11/6/2013 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về chủ trương lập quy hoạch chi tiết mở rộng cảng Quy Nhơn,

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 45/TTr-SXD ngày 09/5/2014 và đề nghị của Công ty TNHH MTV cảng Quy Nhơn tại Văn bản số 210/TTr-CQN ngày 15/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và định hướng sau năm 2030 thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

74

2. Địa điểm, phạm vi và ranh giới quy hoạch xây dựng: Khu đất quy hoạch xây dựng thuộc phường Hải Cảng và phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn. Giới cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp: Luồng tàu vào cảng Quy Nhơn.
- Phía Tây giáp: Cảng Đống Đa.
- Phía Nam giáp: Khu vực tàu thuyền tránh trú bão đầm Thị Nại.
- Phía Bắc giáp: Đầm Thị Nại.

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch phát triển mở rộng cảng Quy Nhơn thành một trong những cảng biển hiện đại mang tầm khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định, khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế khu đất, khu nước; tổ chức các khu chức năng với tiện nghi, cơ sở hạ tầng hiện đại, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái, không gây ô nhiễm môi trường hướng tới phát triển bền vững.

- Tăng nguồn thu cho ngân sách, làm động lực thúc đẩy quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng trưởng kinh tế - xã hội trong khu vực và trên cả nước.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư xây dựng, triển khai thực hiện mở rộng cảng Quy Nhơn.

4. Quy mô quy hoạch cảng

a. Nhu cầu sử dụng đất

- Giai đoạn năm 2020-2030: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch Mở rộng cảng Quy Nhơn khoảng: 95,1ha.

Trong đó:

+ Diện tích quy hoạch xây dựng khu vực cảng Quy Nhơn thuộc phường Hải Cảng: 68,1ha.

+ Diện tích quy hoạch xây dựng Khu cảng hàng lỏng (cảng Xăng dầu thuộc phường Thị Nại): 3,0ha.

+ Diện tích quy hoạch khu nước - vũng quay tàu của cảng Quy Nhơn và Khu cảng hàng lỏng có diện tích 24,0ha.

- Giai đoạn sau năm 2030: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1521/UBND-KTN ngày 18/4/2014 về việc vị trí quy hoạch cảng Xăng dầu thuộc đề án mở rộng cảng Quy Nhơn, theo đó khoanh vùng khu vực xung quanh cảng Quy Nhơn và bổ sung khu vực phía Đông đường Phan Chu Trinh và phía Bắc đường Trần Hưng Đạo để mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn sau năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030. Diện tích nghiên cứu quy hoạch xây dựng mở rộng cảng Quy Nhơn định hướng phát triển sau năm 2030 khoảng:

21ha. (không bao gồm các khu vực dân cư xung quanh đã được thành phố Quy Nhơn quy hoạch),

b. Dự báo quy mô công suất cảng

- Giai đoạn đến năm 2015: Hàng hóa thông qua cảng trên 10 triệu tấn/năm (trong đó, cảng Quy Nhơn trên 8 triệu tấn/năm).

- Giai đoạn đến năm 2020: Hàng hóa thông qua cảng từ 15-18 triệu tấn/năm;

- Giai đoạn đến năm 2030: Hàng hóa thông qua cảng từ 25-30 triệu tấn/năm;

5. Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch xây dựng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng; Quyết định số 03/2008/QĐ-XD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng về ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, các tiêu chuẩn, quy phạm khác có liên quan và các yêu cầu cụ thể bao gồm:

- Phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển trong khu vực quy hoạch;

- Xác định tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật của các khu vực thiết kế, nội dung cải tạo và mở rộng xây dựng mới;

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định tính chất, chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch cho từng lô đất về ranh giới, diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, vị trí và quy mô các công trình ngầm liên quan;

- Quy hoạch mạng hạ tầng kỹ thuật:

+ Quy hoạch mạng lưới đường giao thông: Xác định mối liên hệ giữa giao thông đối nội và đối ngoại. Xác định các tiêu chuẩn, mạng lưới đường. Tỷ lệ đất giao thông, mật độ mạng lưới đường. Tổ chức giao thông, phân loại đường, mặt cắt. Tổ chức bãi đỗ xe công cộng. Sơ bộ xác định chi phí đầu tư.

+ Quy hoạch mạng lưới giao thông đường thủy: Xác định mối liên hệ giữa giao thông đối nội và đối ngoại; Quy hoạch khu nước trước bến, vũng quay tàu, cầu cảng và luồng tàu.

+ Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật: Dự kiến cao độ san nền quy hoạch tại cảng Quy Nhơn, nạo vét các luồng tàu ra vào. Phân lưu vực, giải pháp thoát nước mưa, mạng lưới thoát nước mưa, cửa xả; Giảm thiểu khối lượng đất đắp, khối lượng kè bảo vệ bờ.

+ Quy hoạch cấp nước: Xác định nguồn cấp nước, công trình đầu mối, đầu nối với hệ thống cấp nước chung của khu vực. Xác định nhu cầu và tiêu chuẩn dùng nước cho từng loại hình chức năng và của toàn khu. Mạng lưới phân phối: chiều dài, đường kính và các hạng cứu hỏa.

+ Quy hoạch cấp điện: Xác định nguồn cấp điện; Xác định nhu cầu sử dụng điện năng và phụ tải của từng loại hình chức năng và toàn khu. Mạng lưới cấp điện: trạm phân phối, tuyến cấp điện, mạng điện chiếu sáng.

+ Quy hoạch thoát nước thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường : Xác định chỉ tiêu, khối lượng nước thải sinh hoạt; Quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, trạm xử lý.

- Điều tra khảo sát và thu thập các số liệu liên quan, các đồ án quy hoạch, dự án đã được lập khu vực lân cận để từ đó đưa ra phương án kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp.

- Khái toán kinh phí đầu tư và đề xuất phương án thực hiện quy hoạch.

- Đánh giá môi trường chiến lược và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng.

- Khảo sát lập bản đồ địa hình TL 1/2000, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15'00, cao độ Nhà nước.

6. Thành phần hồ sơ đồ án

TT	Thành phần hồ sơ	Tỷ lệ
I	Phần thiết kế quy hoạch	
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất quy hoạch	1/10.000
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá xây dựng	1/2.000
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	1/2.000
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/2.000
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/2.000
6	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/2.000
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/2.000
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/2.000
II	Phần đánh giá môi trường chiến lược	
III	Báo cáo tổng hợp (thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt, dự thảo tờ trình, quyết định phê duyệt quy hoạch, dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch)	

7. Nguồn vốn lập quy hoạch: Vốn của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

8. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành đồ án quy hoạch tối đa 06 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.

9. Các vấn đề khác

- Đối với phạm vi ranh giới nghiên cứu quy hoạch xây dựng mở rộng cảng Quy Nhơn định hướng phát triển sau năm 2030, đề nghị Công ty Cổ phần cảng Quy Nhơn chỉ đạo đơn vị tư vấn khảo sát đánh giá hiện trạng và có phương án thiết kế cụ thể trong các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu và các số liệu đánh giá hiện trạng, tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và hồ sơ bản vẽ.

Điều 2. Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được duyệt, Sở Xây dựng chỉ đạo Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn và đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 để trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Hồ Quốc Dũng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K4, K14, K19. (M.14b) *ph*

KT. CHỦ TỊCH
BÍ THƯ TỊCH



Handwritten signature

Hồ Quốc Dũng